

TỜ TRÌNH

**Thẩm định và phê duyệt đề xuất chủ trương đầu tư
Dự án: Đường giao thông huyện Đức Cơ.**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 08/12/2006 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty huyện Đức Cơ đến năm 2020;

Thực hiện Công văn số 2374/UBND-KTTH ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021;

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đường giao thông huyện Đức Cơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Đường giao thông huyện Đức Cơ.
 - Công trình: Đường Nguyễn Văn Linh; Đường Tăng Bạt Hổ, Đường Anh Hùng Núp thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ
2. Dự án nhóm: B.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.
4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.
5. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ.
6. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 90.000.000.000 đ.
(Chín mươi tỷ đồng chẵn).
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Ngân sách tỉnh đầu tư (tiền sử dụng đất).
9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Giao thông đô thị.
10. Thời gian thực hiện: 2021-2022.
11. Hình thức đầu tư dự án: Đầu tư mới và nâng cấp mở rộng.

12. Các thông tin khác(nếu có): Không.

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.
2. Báo cáo thẩm định nội bộ.
3. Bảng Khái toán chi phí đầu tư dự án.
4. Bình đồ tuyến; Mặt cắt ngang đại diện tuyến.

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ kính đề nghị Sở Kế hoạch và đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định chủ trương đầu tư dự án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Phòng Kinh tế - HT;
- Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện;
- UBND thị trấn Chư Ty;
- Lưu: VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Mạnh Định

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư

Dự án: Đường giao thông huyện Đức Cơ.

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 08/12/2006 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty huyện Đức Cơ đến năm 2020;

Thực hiện Công văn số 2374/UBND-KTTH ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021;

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đường giao thông huyện Đức Cơ với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

- Tên dự án: Đường giao thông huyện Đức Cơ.
- Công trình: Đường Nguyễn Văn Linh; Đường Tăng Bạt Hổ, Đường Anh Hùng Núp thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.
- Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ
- Dự án nhóm: Nhóm B.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.
- Tên chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ.
- Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.
- Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 90.000.000.000 đồng.
(Bằng chữ: Chín Mươi tỷ đồng chẵn).
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh đầu tư (tiền sử dụng đất).
- Phân kỳ đầu tư, sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể:

Năm	Nguồn vốn NSTW	Nguồn vốn NSDP (Ngân sách tỉnh, tiền sử dụng đất)	Nguồn vốn khác
Năm 2021		45.000.000.000	
Năm 2022		45.000.000.000	
Tổng cộng		90.000.000.000	

7. Thời gian thực hiện: 2021-2022.

8. Các thông tin khác (nếu có): Không.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN:

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

a. Sự cần thiết đầu tư:

- Huyện Đức Cơ có tổng diện tích tự nhiên là 723,12km², nằm trải dài trên sườn tây của dãy Trường Sơn, có nền địa chất phức tạp, được hình thành trong nhiều giai đoạn kiến tạo xảy ra mạnh dần tới có nhiều đứt gãy, uốn nếp và chia cắt mạch với nhiều kiểu địa hình. Độ cao của huyện nằm trong khoảng từ 400 – 700 m, chia làm 3 loại: phía Bắc phổ biến là dạng đồi lượn sóng và núi thấp trung bình; Phía Nam và Tây Nam địa hình thoải dần và tương đối bằng phẳng. Đức Cơ nói riêng và tỉnh Gia Lai nói chung thuộc khí hậu cao nguyên nhiệt đới gió mùa, dồi dào về độ ẩm, có lượng mưa tương đối lớn, chịu ảnh hưởng của bão.

- Thị trấn Chư Ty là trung tâm kinh tế, văn hóa của huyện Đức Cơ, vì vậy công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đã được quan tâm trong đó có hệ thống đường nội thị đã được đầu tư xây dựng, điều đó góp phần không nhỏ trong việc tạo nên một đô thị mới của huyện. Tuy vậy, một số tuyến đường của huyện vẫn chưa được đầu tư hoặc đầu tư đã lâu chưa hoàn chỉnh, với sự phát triển của đô thị hiện nay việc lưu thông các tuyến đường trên thị trấn Chư Ty của người dân còn khó khăn, một số đoạn tuyến đang xuống cấp tiềm ẩn nguy cơ tai nạn và mỹ quan đô thị ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển đô thị và làm hạn chế thu hút nguồn lực nhà đầu tư.

- Đánh giá hiện trạng: Dự án gồm 03 công trình là các tuyến đường chính, mật độ giao thông tương đối lớn, đi qua các khu dân cư, giao nhau với quốc lộ 19, trường học, trụ sở cơ quan, trung tâm y tế, cơ sở tôn giáo, trung tâm chợ ... tuy nhiên đến nay đã xuống cấp, với hiện trạng cụ thể như sau:

+ **Đường Nguyễn Văn Linh**, điểm đầu từ Km0+0,00m (Giao với đường Thanh Niên) và điểm cuối Km1+347m (Giao đường Lý Thái Tổ), chiều dài đoạn tuyến L=1,35Km. Hiện trạng tuyến đường được nâng cấp sửa chữa năm 2011, với nền, mặt đường láng nhựa rộng 17m bao gồm giải phân cách 1m và điện chiếu sáng, riêng hệ thống thoát nước dọc chưa được đầu tư hoàn chỉnh đến nay nền, mặt đường đã hư hỏng nặng rất khó khăn cho giao thông, vận chuyển hàng hóa.

+ **Đường Tăng Bạt Hổ**, có điểm đầu từ Km0+0,00m (Giáp công Trung tâm y tế huyện Đức Cơ) và điểm cuối Km1+945m (Giáp đường láng nhựa 3,5m đi bãi rác, Nghĩa địa thị trấn Chư Ty), chiều dài tuyến L=1,95Km. Hiện trạng tuyến đường được đầu tư năm 2008, mặt đường đá dăm láng nhựa rộng từ 3,0 - 3,5m dày trung bình 15cm, chưa có hệ thống bó vỉa đan rãnh và vỉa hè 2 bên, chưa đầu tư hệ thống thoát nước. Riêng đoạn từ Km0+444,69m (Giao đường Phạm Văn Đồng) đến Km0+640,61m (Giao đường Phan Đình Phùng), L=195,92m hiện là đường láng nhựa rộng 7m (Kể cả đan rãnh). Đến nay tuyến đường đã hư hỏng xuống cấp trầm trọng, không đảm bảo cho việc lưu thông.

+ **Đường Anh Hùng Núp**, có điểm đầu từ Km0+0,00m (Giáp đường Trần Hưng Đạo) và điểm cuối tại Km1+735,24m (Giáp đường Cách Mạng). Hiện trạng tuyến đường đã được đầu tư xây dựng năm 2009, với mặt đường đá dăm láng nhựa rộng từ 3,5 đến 5,5m, chưa có hệ thống bó vỉa đan rãnh và vỉa hè hai bên. Các đoạn tuyến nêu trên hiện trạng đang xuất hiện hư hỏng, bong tróc mặt đường, hệ thống

thoát nước chưa hoàn thiện gây xói lở và bồi lấp. Mất mỹ quan đô thị và tiềm ẩn nguy cơ mất vệ sinh và an toàn cho người dân trong khu vực.

- Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế, văn hóa xã hội nhanh chóng của địa phương, mật độ dân số cũng như nhu cầu vận chuyển hàng hóa nhu yếu phẩm đã đặt ra sức ép lớn cho khả năng lưu thông cũng như vấn đề mỹ quan của các tuyến đường nội thị.

- Việc xây dựng các tuyến đường nội thị phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, tạo mỹ quan đô thị, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong giai đoạn mới, đặc biệt là hệ thống giao thông vận tải. Thể hiện rõ sự quan tâm và chính sách đãi ngộ của Đảng và Nhà nước đối với các vùng thuộc cao nguyên miền núi, mang nhiều ý nghĩa về kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh quốc phòng của huyện Đức Cơ nói riêng và tỉnh Gia Lai nói chung. Vì vậy việc đầu tư xây dựng các tuyến nêu trên hoàn toàn là cấp bách, rất cần thiết và mang lại hiệu quả đầu tư góp phần phát triển kinh tế xã hội xã hội.

b. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:

- Dự án đầu tư với các tuyến đường giao thông gồm Đường Nguyễn Văn Linh, Đường Tăng Bạt Hổ, Đường Anh Hùng Núp là trục đường chính nội thị của thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ nằm trong quy hoạch hệ thống giao thông và tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn.

- Phù hợp Quy hoạch theo Quyết định 105/2006/QĐ-UBND ngày 08/12/2006 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty huyện Đức Cơ đến năm 2020 và đồ án quy hoạch điều chỉnh thị trấn đến năm 2035 đã được thẩm định.

- Không trùng lặp với các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư.

- Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư.

- Bảo đảm hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

c. Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

- Việc đề xuất đầu tư dự án phù hợp với quy hoạch mạng lưới giao thông thị trấn được hoàn thiện, đảm bảo quy hoạch chung đã được phê duyệt.

- Việc đầu tư xây dựng công trình phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn đã được phê duyệt.

- Phù hợp về sự cần thiết của dự án và mục tiêu của dự án.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư dự án:

a. Mục tiêu: Từng bước hoàn thiện quy hoạch chung thị trấn Chư Ty, chỉnh trang đô thị, phục vụ nhu cầu đi lại của người dân và phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng, ổn định đời sống của nhân dân và tăng cường trật tự an ninh quốc phòng của khu vực.

b. Quy mô dự kiến của dự án:

- Dự án được đầu tư xây dựng được theo quy hoạch đã được duyệt và tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị TCXDVN 104-2017 với quy mô dự án đầu tư 3 công trình giao thông gồm đường Nguyễn Văn Linh; Đường Tăng Bạt Hổ; Đường Anh Hùng Núp, thị trấn Chư Ty, cụ thể như sau:

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại công trình: Giao thông đô thị.

- Cấp quản lý: Cấp III.
- Tổng chiều dài dự án: $L=5.04\text{Km}$
- Cấp kỹ thuật: Đường phố gom.
- Vận tốc thiết kế: 40Km/h .
- Mặt đường có Mô đun yêu cầu: 120Mpa
- Công trình xây dựng bằng BTCT, tải trọng thiết kế: H30-XB80.
- Thoát nước dọc được đầu tư hoàn thiện.
- Quy mô dự kiến chi tiết từng công trình thuộc dự án cụ thể như sau:

b.1: Đường Nguyễn Văn Linh: Chiều dài tuyến $L=1,35\text{Km}$.

- Lộ giới giao thông: $B_{\text{lộ giới}}: 30\text{m}$.
- Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt đường}}: 7,9\text{m} \times 2 \text{ bên} = 15,8\text{m}$ (Bao gồm cả đan rãnh)
- Mặt đường bê nhựa C19 dày 7cm .
- Dãi phân cách $1,2\text{m}$.
- Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vỉa hè}}: 3,5\text{m} \times 2 \text{ bên}$
- Hệ thoát nước hoàn chỉnh.
- Hoàn chỉnh bó vỉa, đan rãnh, vỉa hè, hệ thống an toàn giao thông

b.2: Đường Tăng Bạt Hổ: Chiều dài tuyến: $L=1.95\text{Km}$

- Lộ giới giao thông: $B_{\text{lộ giới}}: 20\text{m}$.
- Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt đường}}: 10,5\text{m}$; Mặt đường bê nhựa C19 dày 7cm .
- Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vỉa hè}}: 3,5\text{m} \times 2 \text{ bên}$
- Hệ thoát nước hoàn chỉnh.
- Hoàn chỉnh bó vỉa, đan rãnh, vỉa hè, hệ thống an toàn giao thông

b.3: Đường Anh Hùng Núp: Chiều dài tuyến $L=1,74\text{Km}$.

- Lộ giới giao thông: $B_{\text{lộ giới}}: 30\text{m}$.
- Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt đường}}: 7,9\text{m} \times 2 \text{ bên} = 15,8\text{m}$; Mặt đường đá dăm tiêu chuẩn láng nhựa 3 lớp TCN $4,5\text{Kg/m}^2$.
- Dãi phân cách rộng 1.5m .
- Bề rộng vỉa hè: $3,5\text{m} \times 2 \text{ bên}$.
- Hoàn chỉnh bó vỉa, đan rãnh, vỉa hè, hệ thống an toàn giao thông

b.4. Thuyết minh sơ bộ dự kiến về kết cấu công trình:

- Nền, mặt đường:

** Dạng 1: Áp dụng với kết cấu mặt đường tăng cường trên đường nhựa cũ mặt đường hiện trạng đã đảm bảo theo quy hoạch (Áp dụng đường Nguyễn Văn Linh)*

- + Thảm bê tông nhựa nóng hạt trung C19 dày 7cm .
- + Bù vênh bê tông nhựa dày $1,9\text{cm}$ (Thi công cùng lớp tăng cường)
- + Tưới nhựa thấm bảm TCN $0,5\text{Kg/m}^2$.

** Dạng 2: Áp dụng cho kết cấu mặt đường cấp lẻ mở rộng (Áp dụng đường Tăng Bạt Hổ):*

- + Thảm bê tông nhựa nóng hạt trung C19 dày 7cm .
- + Tưới nhựa thấm bảm TCN $0,5\text{Kg/m}^2$.
- + CPĐD loại I $D_{\text{max}}=25\text{mm}$, dày 15cm .
- + CPĐD loại II $D_{\text{max}}=37,5\text{mm}$, dày 15cm .

* **Dạng 3:** Áp dụng cho kết cấu mặt đường tăng cường trên đường nhựa cũ (*Áp dụng đường Tăng Bạt Hổ*):

- + Thảm bê tông nhựa nóng hạt trung C19 dày 7cm.
- + Tưới nhựa thấm bám TCN 0,5Kg/m².
- + Bù vênh CPĐD loại I D_{max}=25mm, dày trung bình 15cm.
- + Cày sọc mặt đường cũ.

* **Dạng 3:** Áp dụng cho phần kết cấu mở rộng láng nhựa (*Áp dụng Đường Anh Hùng Núp*).

- + Láng nhựa tiêu chuẩn nhựa 4,5Kg/m².
- + Đá dăm tiêu chuẩn 2 lớp, mỗi lớp dày 15cm.
- + Khuôn đường đắp đất đòi chọn lọc lu lèn đạt độ chặt K98.
- + Nền đường đắp đất lu lèn đạt độ chặt K95.
- + Đối với mặt đường cũ: Cày sọc mặt đường; bù vênh lớp đá dăm tiêu chuẩn trung bình dày 15cm, Láng nhựa tiêu chuẩn nhựa 4,5Kg/m²

- Hệ thống thoát nước:

+ **Thoát nước dọc:** Hoàn chỉnh hệ thống thoát nước dọc 2 bên:

* Hệ thống thoát nước dọc được thiết kế bằng mương xây hở, đáy đan kích thước (50;70xH)cm. Tại các lồi vào, đường giao được thiết kế bằng mương xây chịu lực hoặc cống hộp H100x100, H75x75. Mương thoát nước dọc được đặt theo quy hoạch cụ thể cho từng tuyến đường. Thân mương bằng đá hộc xây VXM mác 100 dày 30cm, đáy mương bằng bê tông đá 2x4 mác 150 dày 15cm trên lớp cấp phối đá dăm dày 10cm. Gối mương bằng bê tông đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ, tấm đan mương bằng bê tông đá 1x2 mác 200 đúc sẵn.

* Hố ga: Kích thước trên mặt bằng (1,6x1,6)m, đáy hố ga thấp hơn đáy mương 40cm. Thành hố ga xây đá hộc VXM mác 100 dày 30cm, đáy hố ga bằng bê tông đá 2x4 mác 150 dày 15cm trên lớp đệm cấp phối đá dăm dày 10cm. Gối ga bằng bê tông đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ, tấm đan ga bằng bê tông đá 1x2 mác 200 đúc sẵn.

* Cửa thu nước và mương dẫn bằng bê tông đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ, lưới chắn rác bằng tấm thép.

* Cống dọc hai bên tận dụng và làm mới

+ **Thoát nước ngang:** Công trình thoát nước ngang được thiết kế bằng BTCT, tải trọng thiết kế H30-X80, tần suất thiết kế 4%, chiều dài cống phù hợp với bề rộng nền đường. Các cống cũ còn sử dụng tốt tận dụng nối thêm hoặc sửa chữa để đảm bảo đủ chiều dài theo quy mô nền đường làm mới.

- Bó vỉa + đan rãnh:

+ Bó vỉa được thiết kế vát xiên với bề rộng vát 30cm, chiều cao vát 12cm. Đan rãnh rộng 25cm dày 20cm, dốc về phía bó vỉa 5%.

+ Kết cấu bó vỉa, đan rãnh bằng bê tông đá 1x2 M200 đổ tại chỗ, cứ 5m bố trí một khe chống nứt rộng 1cm bằng ván dày 1cm và để nguyên khi thi công xong.

- **Vía hè:** Được san nền với chiều rộng theo quy hoạch cho mỗi bên, dốc ngang 2% hướng về phía mặt đường. Vía hè được đắp đất, sau khi hoàn thiện đạt độ chặt K=0,95.

- **Dải phân cách (Đường Anh Hùng Núp và Đường Nguyễn Văn Linh):** Dải phân cách thiết kế rộng đảm bảo theo quy hoạch bằng bê tông đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ kích thước BxH=(20x50)cm, phần đỉnh dải phân cách cao hơn mặt đường 30cm,

cứ 5m bố trí 1 khe co giãn bằng ván dày 1cm, mặt ngoài và mặt trên dải phân cách được sơn trắng đỏ 2 lớp.

+ Bố trí ống thoát nước 2 bên thành dải phân cách bằng ống nhựa PVC D32, L=20cm, khoảng cách 2m/1 ống.

+ Cách đầu dải phân cách 2m, bố trí lối qua đường dành cho người đi bộ kích thước BxH=(2x2,5)m

+ Phân trong dải phân cách đắp đất có lẫn hữu cơ. Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chăm sóc cây cảnh, cỏ trong dải phân cách, bố trí lắp đặt hệ thống nước tưới. Ống cấp nước chính nằm dưới lòng đường và trong dải phân cách bằng ống kẽm D34, ống tưới nước dùng ống kẽm D27.

+ Ống cấp nước được đấu chờ tại hố kỹ thuật. Hố kỹ thuật KT(60x60x60)cm bằng BT đá 2x4 M150 dày 10cm. Phía trên đặt đan.

- **Công trình phòng hộ:** Nhằm nâng cao hiệu quả vận tải và bảo đảm an toàn giao thông trên tuyến, báo hiệu đường bộ: Biển báo, vạch sơn được bố trí hoàn chỉnh theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- **Đường giao:** Các vị trí đường giao trên tuyến là những đường giao đồng mức, đơn giản, mặt đường được vuốt nổi để đảm bảo giao thông. Vì các tuyến là đường nội thị nên các đường giao tương đối nhiều, các đường giao được vuốt êm thuận phù hợp với kết cấu từng đường giao.

- **Hệ thống chiếu sáng:**

- Nguồn điện lấy theo đường dây hạ thế 0,4KV hiện có.

- Hệ thống điện chiếu sáng được bố trí 1 bên hoặc giữa giải phân cách:

+ Cột đèn sử dụng công tròn cân bằng thép H=8m cân liên 1 nhánh.

+ Đèn chiếu sáng thân bằng hợp kim nhôm đúc áp lực cao, công suất tiêu thụ đèn LED 80W.

+ Dây dẫn: Cáp chiếu sáng là loại cáp 1KV, lõi đồng, cách điện XLPE 4x16mm², được luồn trong ống nhựa cứng HDPE chôn trực tiếp trong đất. Dây dẫn từ bảng điện của cột lên đèn dùng dây CXV 2x2,5mm².

+ Kết cấu móng trụ bằng bê tông cốt thép.

+ Tiếp địa, tủ điện được thiết kế hoàn chỉnh.

c. Địa điểm và phạm vi đầu tư:

- Đường Nguyễn Văn Linh:

+ Điểm đầu: Km0+0.00 (Đường Thanh Niên).

+ Điểm cuối: Km1+347,00 (Đường Lý Thái Tổ).

+ Chiều dài tuyến: L=1,35Km.

- Đường Tăng Bạt Hổ:

+ Điểm đầu: Km0+0.00 (Giao công Trung tâm y tế huyện Đức Cơ).

+ Điểm cuối: Km1+1.945 (Giáp đường láng nhựa hết khu dân cư).

+ Chiều dài tuyến: L=1.95Km.

- Đường Anh Hùng Núp:

+ Điểm đầu: Km0+0.00 (Đường Trần Hưng Đạo).

+ Điểm cuối: Km1+735 (Đường Cách Mạng).

+ Chiều dài tuyến: L=1,74Km.

- Tổng chiều dài cả dự án dự kiến : L=5.04Km.

- Địa điểm: Thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:

a. Dự kiến tổng mức đầu tư: 90.000.0000.000 đồng.

(Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng chẵn).

b. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh (Tiền sử dụng đất).

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Quý I/2021.

- Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện dự án: Năm 2021-2022, cụ thể:

Năm	Nguồn vốn NSDP (Ngân sách tỉnh, tiền sử dụng đất)	Tiến độ triển khai thực hiện theo Thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả
Năm 2021	45.000.000.000	Thực hiện bước chuẩn bị đầu tư, phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, triển khai thi công xây dựng dự án, công trình đường Nguyễn Văn Linh và Tăng Bạt Hổ
Năm 2022	45.000.000.000	Thực hiện tổ chức triển khai thi công xây dựng dự án, công trình đường Anh Hùng Núp và quyết toán hoàn thành dự án

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án khi hoàn thành:

5.1. Sơ bộ tổng mức đầu tư:

a. Định mức áp dụng

- Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ xây dựng " Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình".

- Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ tài chính " Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước".

- Căn cứ thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ tài chính qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

- Căn cứ Thông tư số 34/2020/TT-BXD ngày 05 tháng 05 năm 2020 của Bộ xây dựng " Qui định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng";

- Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ xây dựng " Ban hành định mức xây dựng".

- Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ xây dựng " V/v Hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây";

- Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ xây dựng "V/v Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng";

- Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ xây dựng " V/v Hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng";

- Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ xây dựng " V/v Hướng dẫn đo bóc khối lượng xây dựng công trình";

b. Các căn cứ để xác định giá vật liệu trong dự toán công trình

- Căn cứ Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2012 " V/v ban hành về cước vận chuyển hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Gia Lai".

- Căn cứ Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 07 năm 2017 " V/v Ban hành bảng phân loại đường - Cự ly vận chuyển".

- Căn cứ Quyết định số 32/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2005 "V/v Ban hành bảng phân loại đường - Cự ly vận chuyển".

- Đơn giá vật liệu theo Công bố số: 03/2020/SXD-CBGVL ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Sở xây dựng tỉnh Gia Lai.

c. Các căn cứ để xác định giá nhân công, ca máy trong dự toán công trình

- Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ xây dựng "V/v Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng";

- Căn cứ văn bản số 486/SXD-QLXD ngày 17/03/2020 của Sở xây dựng tỉnh Gia Lai " V/v hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai";

- Căn cứ công văn số 1863/SXD-QLXD ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai về việc công bố giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Giá nhiên liệu lấy công bố giá hiện hành của tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)

- Giá điện lấy theo Quyết định số 648/QĐ-BTC, ngày 20/03/2019 của Bộ Công Thương quy định về mức giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất cấp điện áp dưới 6Kv giờ bình thường là 1865 đ/KW.

5.2. Các chi phí liên quan trong quá trình thực hiện dự án (dự kiến):

Tổng mức đầu tư:

90.000.000.000đ

(Bằng chữ : Chín mươi tỷ đồng chẵn)

Chi phí đền bù GPMB (tạm tính)	9.000.000.000 đ
Chi phí xây dựng công trình	64.035.998.000 đ
Chi phí quản lý dự án	1.246.879.000 đ
Chi phí tư vấn xây dựng	3.414.201.000 đ
Chi phí khác	563.792.000 đ
Chi phí dự phòng	11.739.130.000 đ

5.3. Chi phí vận hành dự án khi hoàn thành: Công tác sửa chữa nhỏ duy tu định kỳ, giao cho đơn vị được bàn giao, khai thác, sử dụng công trình thực hiện nhằm đảm bảo công tác duy tu, bảo dưỡng thực hiện thường xuyên bằng nguồn vốn chi thường xuyên cho công tác duy tu, sửa chữa, vận hành.

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

6.1. Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội:

a. Bảo đảm cho người và thiết bị:

- Nhà thầu mua bảo hiểm cho người lao động, cho vật tư, thiết bị theo quy định.
- Người tham gia lao động phải được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức ATLĐ, được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động trước khi tham gia lao động.
- Tay nghề và trình độ bậc thợ đến đâu bố trí phù hợp đến đó.
- Công nhân thủ công, lái xe, lái máy được học ATLĐ, cách thức phối hợp để thi công giữa xe máy và thủ công trước khi thi công.
- Cán bộ phụ trách an toàn của nhà thầu thường xuyên kiểm tra phát hiện kịp thời các hiện tượng mất an toàn phải xử lý ngay nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối.
- Tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh phòng chống sốt rét.
- Công nhân tham gia thi công là những người đủ tuổi lao động, đủ sức khỏe và được kiểm tra sức khỏe định kỳ.
- Dây điện dùng trong thi công là loại dây có vỏ bọc cách điện tốt, người vận hành máy chạy bằng điện được trang bị ủng và găng tay cao su cách điện.
- Khi thi công ban đêm được bố trí đèn chiếu sáng đầy đủ.
- Nhân viên điều khiển phương tiện, thiết bị thi công luôn tuân thủ luật an toàn giao thông và những quy định an toàn lao động trên công trường. Tổ sửa chữa máy móc luôn có biện pháp kiểm tra thiết bị định kỳ để đảm bảo an toàn cho lái xe trong quá trình điều khiển phương tiện.
- Trên đoạn thi công các hố đào trên đường và các phạm vi đào sâu cần có rào chắn và biển cấm, ban đêm có đèn báo hoặc biển phản quang và có người chỉ dẫn giao thông
- Người nhân công lái xe, máy, vận hành thiết bị theo đúng quy trình, không tự ý bỏ đi nơi khác hay cho người khác vận hành.
- Nhà thầu sẽ lập một đội kiểm tra an toàn, thường xuyên kiểm tra an toàn lao động trên công trường. Hướng dẫn đội thi công theo các điều lệ về ATLĐ, về khoảng cách đối với máy thi công.
- Sau mỗi ca thi công, máy móc thiết bị phải được tập kết về bãi theo quy định.
- Các thiết bị thi công ban đêm phải có đầy đủ các đèn chiếu sáng để đảm bảo an toàn.
- Công tác phòng cháy nổ tại công trường cũng được quan tâm, phải bố trí bình cứu hỏa cũng như thùng cát chữa cháy và phải có phương án chữa cháy khi có hỏa hoạn xảy ra.

b. Đảm bảo an toàn công trình:

- Trong quá trình thi công tiến hành các biện pháp hợp lý, tránh làm hư hỏng các công trình xung quanh như: Công trình kiến trúc văn hóa, mạng lưới đường dây điện... Trong trường hợp bất khả kháng Nhà thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư có biện pháp kịp thời để khắc phục.
- Xe chở vật liệu, xe thi công được sử dụng theo đúng chức năng của từng loại, không chở quá tải gây hỏng hóc cho đường và các công trình xây lắp trên đó.

- Trong suốt quá trình thi công tuân thủ đúng quy trình an toàn lao động theo các tiêu chuẩn ngành và nhà nước đã ban hành.

c. Phòng chống cháy nổ:

- Nhà thầu thi công phải cử cán bộ chuyên trách về an toàn PCCC để xây dựng các biện pháp tổ chức và kỹ thuật đảm bảo an toàn cháy nổ trong phạm vi công trình. Đồng thời phổ biến các quy định, yêu cầu kỹ thuật PCCC và các chỉ dẫn cần thiết khi làm việc với từng chất liệu, vật liệu cho đội ngũ công nhân, các đơn vị tham gia trực tiếp thi công tại công trường.

- Đội ngũ công nhân phải được trang bị kiến thức về PCCC là một vấn đề quan trọng và thiết thực, mọi người đều phải ý thức được việc PCCC để tránh hậu quả nghiêm trọng xảy ra. Vì vậy tại công trường phải lập ra phương án cụ thể để khi có sự cố xảy ra có đủ điều kiện kịp thời dập tắt được đám cháy, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

- Kiểm tra định kỳ việc tổ chức PCCC tại công trình.

- Tạo môi trường không cháy và cháy khó bằng cách hạn chế các hoạt động sản xuất kinh doanh, môi trường nhà xưởng, trạm thiết bị, vật liệu dễ cháy, có nguy hiểm cháy trở thành không cháy và khó cháy. Ngăn chặn nguồn nhiệt gây cháy, quản lý chặt chẽ nguồn lửa, nhiệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh, sinh hoạt. Hạn chế diện tích sản xuất, diện tích bảo quản chất cháy và hạn chế chất cháy tới mức cần thiết.

- Xây dựng khu vực các kho chứa vật liệu dễ cháy gần nguồn nước, tách biệt với khu vực sinh hoạt của cán bộ và công nhân viên.

- Ngăn chặn đường phát triển của lửa từ xây tường ngăn cản, lắp đặt thiết bị chống cháy lan. Lắp đặt hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động.

* Để ngăn chặn tình trạng cháy nổ có thể xảy ra tại công trường cần chú ý một số điểm sau:

- Phải bố trí mặt bằng tổ chức thi công hợp lý nhằm cách ly các chất dễ cháy nổ với môi trường nguy hiểm.

- Phải xây dựng đội ngũ phòng cháy chữa cháy ngay tại công trình cũng như kết hợp với đội phòng chống cháy nổ cơ sở.

- Phối hợp chặt chẽ với cảnh sát PCCC trung tâm và khu vực phòng chống xử lý lập tức khắc phục sự cố.

- Phổ biến cho công nhân đang tham gia xây dựng tại công trình về ý thức vật liệu dễ cháy nổ, và hiểm họa của cháy nổ có thể xảy ra.

- Đồng thời có những hình phạt nặng đối với những người cố ý để xảy ra cháy nổ.

- Phương pháp làm lạnh: Là dùng các chất chữa cháy có khả năng thu nhiệt làm giảm nhiệt độ của đám cháy nhỏ hơn nhiệt độ bắt cháy của đám cháy, đám cháy tắt.

- Quy trình giải quyết sự cố xảy ra: Báo động cháy, cắt điện nơi xảy ra cháy, cứu người bị nạn tổ chức thoát nạn cho người và di chuyển tài sản ra khỏi vùng cháy. Tổ chức lực lượng, sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ để kịp thời xử lý, gọi điện báo cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp, bảo vệ ngăn chặn phần tử xấu lợi dụng chữa cháy để lấy tài sản, giữ gìn trật tự nơi xảy ra cháy, phối hợp với lực lượng chữa cháy để tổ chức chữa cháy, bảo vệ hiện trường cháy sau khi dập tắt đám cháy.

- Biện pháp phòng chống cháy nổ với thiết bị áp lực: Như bình ga, bình ôxi phải qua kiểm tra kiểm định chất lượng và thời gian sử dụng. Người được phân công đảm bảo an toàn cháy nổ phải có chứng chỉ nghề nghiệp và tuân theo quy trình an toàn cháy nổ.

- Biện pháp phòng chống cháy nổ với vật tư: Các loại vật liệu dễ cháy được bố trí gần bãi chứa cát, có dự trữ ít nhất 02 bình cứu hỏa cho một kho, hạn chế dự trữ nhiên liệu dễ cháy trong khu vực thi công nhằm đảm bảo phòng cháy chữa cháy cho các khu vực thi công.

- Biện pháp phòng chống cháy nổ với thiết bị thi công: Các thiết bị thi công sử dụng nguồn điện cần phải được kiểm tra trước khi đưa vào thi công. Sau khi thi công phải ngắt nguồn điện, lau chùi sạch sẽ để đúng vị trí quy định, tránh nước mưa hoặc mất khả năng cách điện mà vẫn mang đi thi công.

6.2. Bảo vệ môi trường:

- Trong quá trình thi công cho đến khi kết thúc việc bảo hành công trình, Nhà thầu sẽ không làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, cảnh quan, mỹ quan trong khu vực. Giữ gìn thảm thực vật xung quanh khu vực thi công, giải tỏa các chướng ngại, trở ngại không cần thiết, bố trí công trường gọn sạch, hoàn thiện ngay những hạng mục đã kết thúc thi công.

- Nhà thầu phải sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công đạt các tiêu chuẩn về khí thải và tiếng ồn của Việt Nam.

- Tất cả các loại xe chở vật liệu vào công trường hoặc đất đá phế thải đổ đi đều phải dùng bạt che đậy cẩn thận tránh tình trạng rơi rải vật liệu gây bụi bẩn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

- Các máy xúc, máy đào, máy lu, ô tô trong quá trình thi công không được xả dầu thải hoặc đổ dầu mỡ bừa bãi gây ô nhiễm độc hại ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Tất cả vật liệu đổ thải ra khỏi công trường sẽ đổ theo đúng vị trí mà đã được sự chấp thuận của đơn vị quản lý, Kỹ sư TVGS và chính quyền địa phương. Khi thời tiết nắng hanh sẽ phun nước bằng xe téc để chống bụi.

- Khai thác cấp phối hoặc đất đắp phải giữ gìn cảnh quan môi trường. Không làm lở đất, thay đổi dòng chảy sông suối làm ảnh hưởng đến kênh mương, ruộng vườn của nhân dân.

- Tất cả các nguồn nước sạch sẽ được bảo quản tốt, không đổ rác thải thi công và vật liệu thi công vào các khu vực nước sạch.

- Khu vực ăn trong quá trình thi công được bố trí công trình vệ sinh đầy đủ. Mọi thành viên tham gia thi công được quán triệt ý thức vệ sinh trong quá trình sinh hoạt, ăn ở, thi công ...

- Giáo dục thường xuyên cho cán bộ công nhân viên toàn công trường về ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn cảnh quan, môi trường của địa phương và vệ sinh khu sinh hoạt. Mọi người có ý thức chấp hành tốt các nội quy, quy định của địa phương nhằm đảm bảo an ninh trên địa bàn, làm tốt công tác dân vận, tận dụng tối đa nhân công địa phương vào những công việc thích hợp nhằm nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân.

- Khi hoàn thiện bàn giao công trình: Nhà thầu phải tổ chức thu dọn rác, vật liệu thừa, tháo dỡ các công trình tạm thời phục vụ thi công, rác lòng sông suối... các chướng ngại do thi công rơi vãi trong toàn bộ phạm vi công trường đảm bảo cảnh quan môi trường sạch đẹp.

* Các biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về luật bảo vệ môi trường, không làm ô nhiễm môi trường tại khu vực thi công.
- Trong tổ chức thi công cần phân đoạn thi công cho phù hợp để thi công dứt điểm không tràn lan, gây cản trở đến sản xuất và sinh hoạt của người dân.
- Thi công trên nền đường vào mùa nắng hàng ngày phải bố trí xe nước thường xuyên tưới nước trong khu vực để hạn chế bụi trên đoạn đường đang thi công tránh ô nhiễm môi trường.
- Trước khi kết thúc công trình Nhà thầu sẽ thu dọn mặt bằng công trường gọn gàng, sạch sẽ, chuyển hết các vật liệu thừa, dỡ bỏ công trình tạm.
- Vật liệu máy móc thi công phải tập kết gọn gàng, đất đá thừa phải đổ tại vị trí quy định.
- Khi thi công hết sức chú ý tránh chặt phá cây xanh trừ trường hợp bất khả kháng, còn lại cần tránh né, đảm bảo cảnh quan môi trường.
- Kết hợp với chính quyền địa phương để làm tốt công tác giữ gìn và bảo vệ an ninh trật tự nơi có đơn vị đóng quân thi công.

6.3. Hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội:

- Dự án được đầu tư sẽ góp phần hoàn thiện mạng lưới đường nội thị, cải thiện cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật và nâng cao mỹ quan đô thị, nâng cao năng lực vận tải phục vụ nhu cầu đi lại và hoạt động sản xuất của người dân trong khu vực.
- Nâng cao điều kiện lưu thông an toàn cho người dân khi lưu thông qua đoạn đường, cải thiện điều kiện sống của người dân sinh sống trên tuyến đường.
- Nếu tính từ khi bắt đầu khởi công xây dựng công trình cho đến lúc hoàn thành sẽ thu hút lượng lao động, từ đó đã giải quyết được việc làm cho một phần lao động của địa phương.
- Phù hợp với nhu cầu thiết yếu của xã hội, phù hợp với định hướng phát triển quy hoạch của thị trấn theo hướng có cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ.

7. Phân chia các dự án thành phần (nếu có): Không.

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

- a. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ.
- b. Hình thức quản lý dự án:** Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.
- c. Chủ đầu tư tổ chức xây dựng công trình theo mức vốn phân bổ nhằm tránh tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.**

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ kính đề nghị Sở Kế hoạch và đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Phòng Kinh tế - HT;
- Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện;
- UBND thị trấn Chư Ty;
- Lưu: VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Mạnh Định

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH NỘI BỘ
ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN
Dự án: Đường giao thông huyện Đức Cơ.**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Thực hiện Công văn số 2374/UBND-KTTH ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021;

Trên cơ sở báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ báo cáo kết quả thẩm định nội bộ như sau:

- 1. Tên dự án:** Đường giao thông huyện Đức Cơ.
 - Công trình: Đường Nguyễn Văn Linh; Đường Tăng Bạt Hổ, Đường Anh Hùng Núp thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.
 - Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ
- 2. Đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Cơ.
- 3. Cơ quan quản lý, sử dụng sau đầu tư:** Ủy ban nhân dân thị trấn Chư Ty.
- 4. Nhóm, loại dự án:** Công trình giao thông, nhóm B.
- 5. Mục tiêu đầu tư:** Từng bước hoàn thiện quy hoạch, chỉnh trang đô thị, phục vụ nhu cầu đi lại của người dân và phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng, ổn định đời sống của nhân dân và tăng cường trật tự an ninh quốc phòng khu vực.
- 6. Quy mô dự kiến:**
 - Nhóm dự án: Nhóm B.
 - Cấp quản lý: Cấp III.
 - Tổng chiều dài dự án: L=5.04Km
 - Cấp kỹ thuật: Đường phố gom.
 - Vận tốc thiết kế: 40Km/h.
 - Mặt đường BTN; Mô đun yêu cầu: 120Mpa
 - Công trình xây dựng bằng BTCT, tải trọng thiết kế: H30-XB80.
 - Thoát nước dọc được đầu tư hoàn thiện.
 - Quy mô dự kiến chi tiết từng công trình thuộc dự án cụ thể như sau:

a. Đường Nguyễn Văn Linh: Chiều dài tuyến L=1,35Km.

- Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt đường}}$: $7,9\text{m} \times 2 \text{ bên} = 15,8\text{m}$ (Bao gồm cả đan rãnh)
- Mặt đường bê nhựa C19 dày 7cm.
- Dãi phân cách 1,2m.
- Hệ thoát nước hoàn chỉnh.
- Hoàn chỉnh bó vỉa, đan rãnh, vỉa hè, hệ thống an toàn giao thông

b. Đường Tăng Bạt Hổ: Chiều dài tuyến: L=1.95Km

- Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt đường}}$: 10,5m; Mặt đường bê nhựa C19 dày 7cm.
- Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vỉa hè}}$: $3,5\text{m} \times 2 \text{ bên}$
- Hệ thoát nước hoàn chỉnh.
- Hoàn chỉnh bó vỉa, đan rãnh, vỉa hè, hệ thống an toàn giao thông

c. Đường Anh Hùng Núp: Chiều dài tuyến L=1,74Km.

- Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt đường}}$: $7,9\text{m} \times 2 \text{ bên} = 15,8\text{m}$ (Bao gồm cả đan rãnh)
- Mặt đường đá dăm tiêu chuẩn láng nhựa 3 lớp TCN 4,5Kg/m².
- Dãi phân cách rộng 1.5m.
- Bề rộng vỉa hè: $3,5\text{m} \times 2 \text{ bên}$.
- Hoàn chỉnh bó vỉa, đan rãnh, vỉa hè, hệ thống an toàn giao thông

7. Tổng mức đầu tư: 90.000.000.000đ.

(Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng chẵn)

Chi phí đền bù GPMB (tạm tính)	9.000.000.000 đ
Chi phí xây dựng công trình	64.035.998.000 đ
Chi phí quản lý dự án	1.246.879.000 đ
Chi phí tư vấn xây dựng	3.414.201.000 đ
Chi phí khác	563.792.000 đ
Chi phí dự phòng	11.739.130.000 đ

8. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh đầu tư (tiền sử dụng đất).

9. Địa điểm đầu tư: Thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2022.

Báo cáo thẩm định nội bộ chủ trương đầu tư, dự án đảm bảo điều kiện trình Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn và trình UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt chủ trương đầu tư để đơn vị triển khai các công việc tiếp theo./.

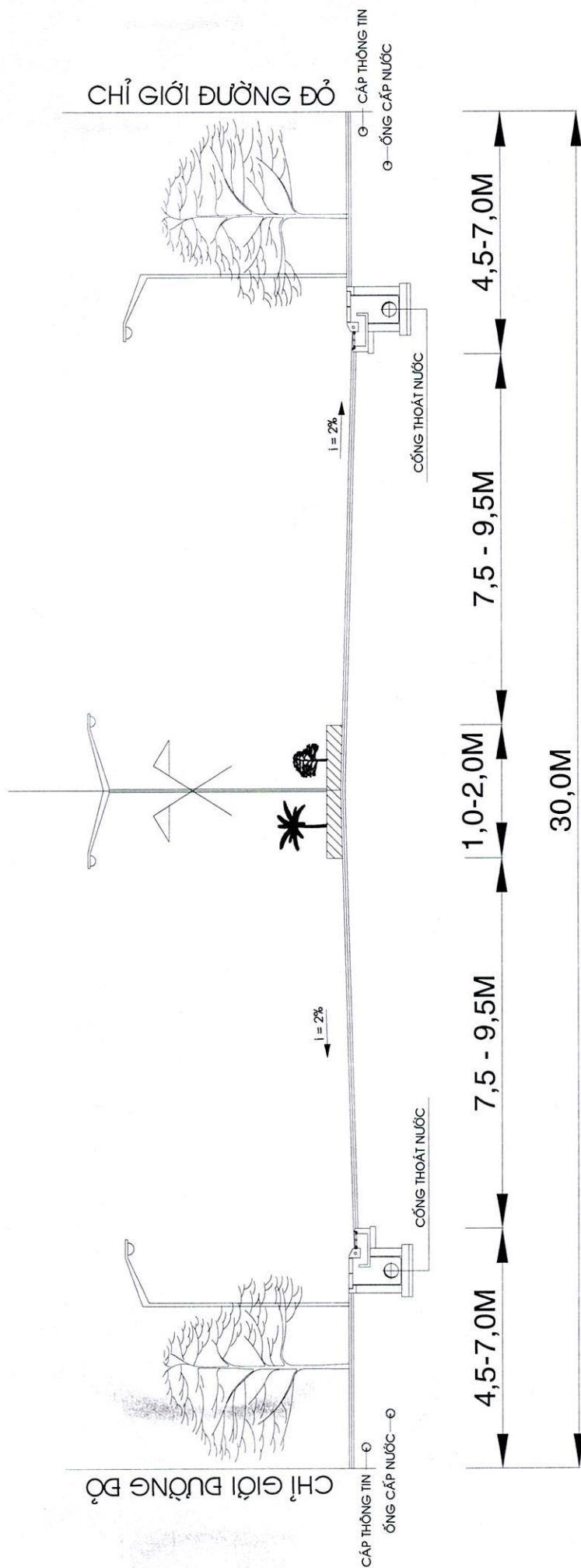
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện; VP;
- Lưu VT-VP.

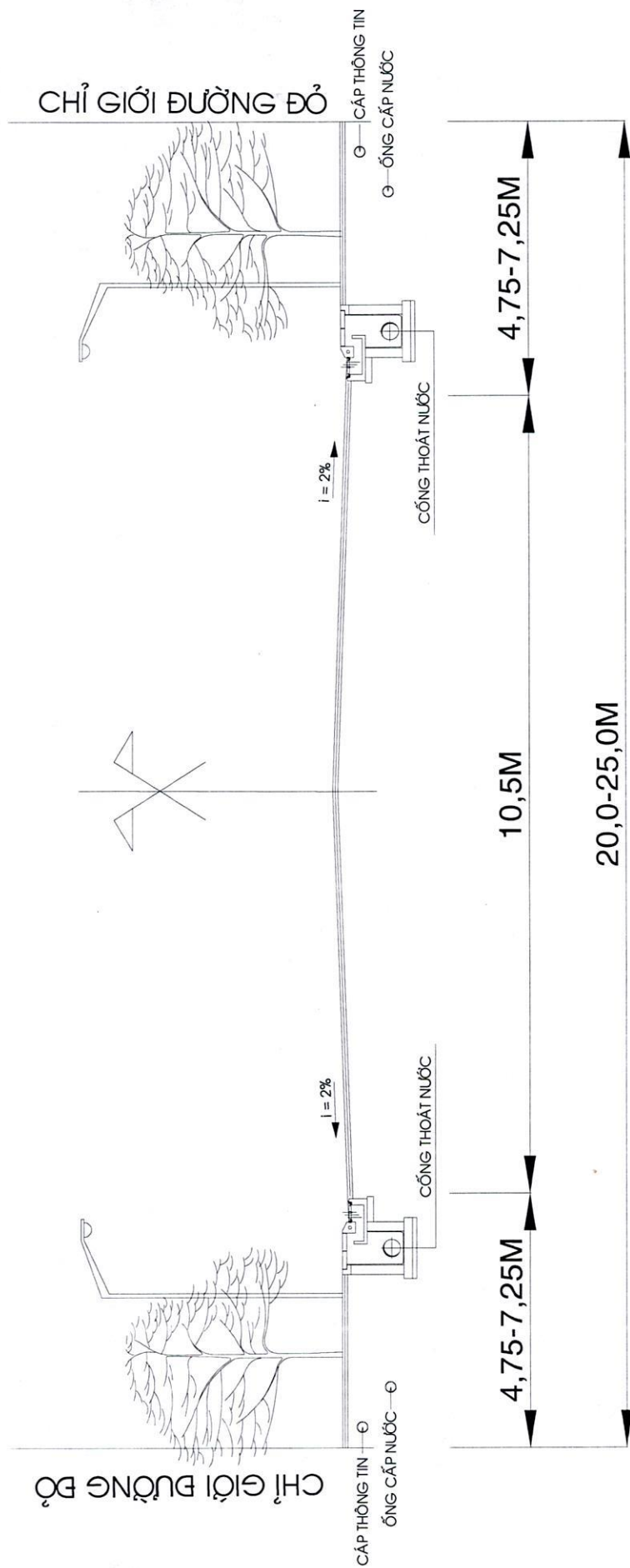
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Mạnh Định



MẶT CẮT QUY HOẠCH ĐIỂN HÌNH ĐƯỜNG TẦNG BẠT HỒ



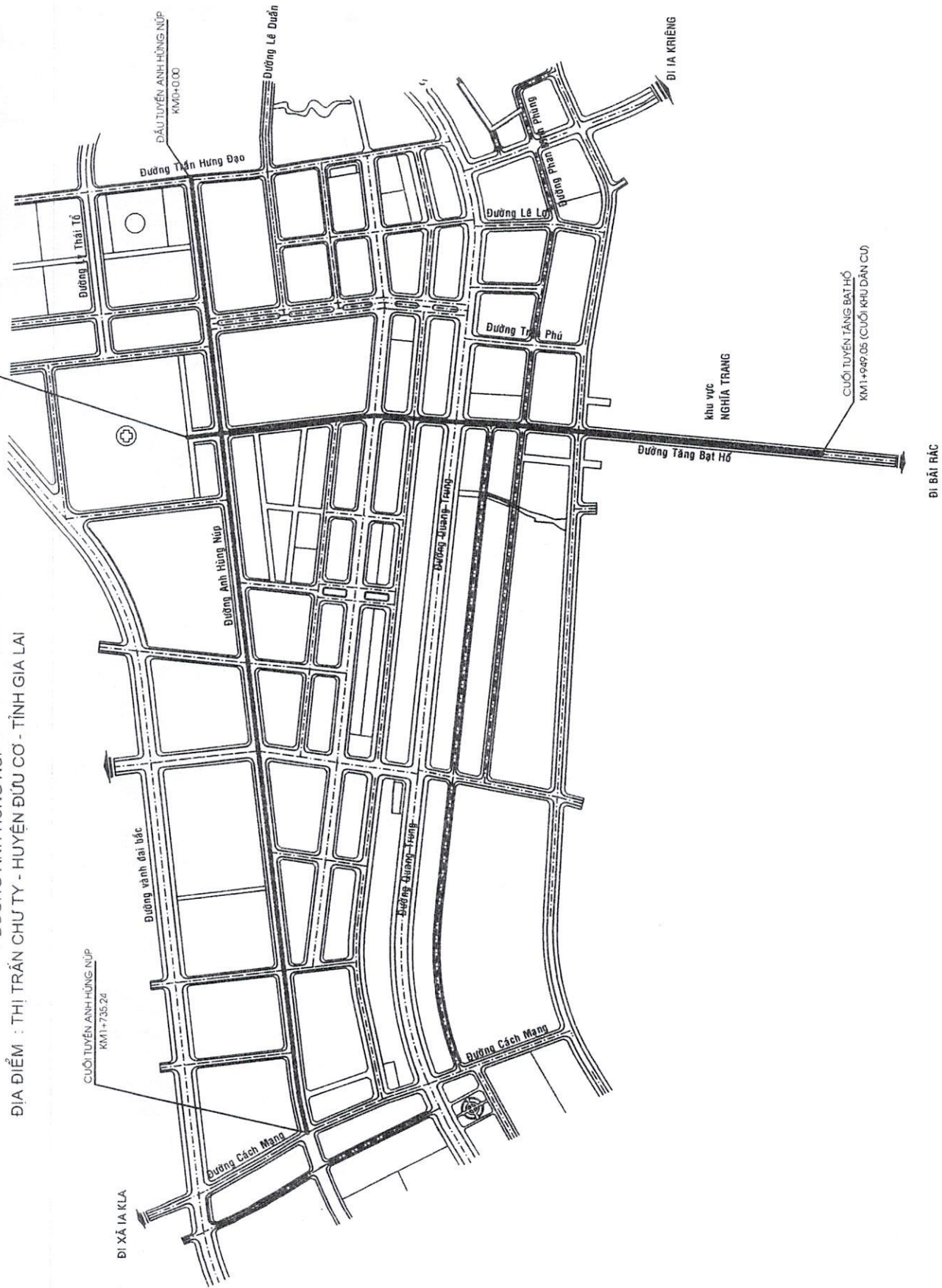
STT	TÊN ĐƯỜNG	Chỉ giới giao thông theo Quy hoạch chung được phê duyệt năm 2006				Điều chỉnh Quy hoạch hệ thống giao thông định hướng đến năm 2035					Ghi chú (Lý do điều chỉnh Các tuyến đường so với Quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 2006)
		Lòng đường (m)	Giải phân cách (m)	Via hè (m)	Lộ giới giao thông (m)	Mặt cắt giao thông	Lòng đường (m)	Giải phân cách (m)	Via hè (m)	Lộ giới giao thông (m)	
Đường giao thông trong ranh giới thị trấn											
1	Quốc lộ 19 (đường Quang Trung)	10,5 x 2	9x2	(5-8) x 2	40	(1 - 1)	10,5 x 2	2	8,5 x 2	40	
2	Đường Tôn Đức Thắng	10,5 x 2	9x2	(5-8) x 2	40	(1 - 1)	10,5 x 2	2	8,5 x 2	40	
3	Đường Nguyễn Văn Linh	14-24		(5-8) x 2	30	(2 - 2)	(7,5-9,5)x2	1,0-2,0	(4,5-7,0)x2	30	Xây dựng dải phân cách, tạo trục cảnh quan đô thị
4	Đường Anh Hùng Núp	14-24		(5-8) x 2	30	(2 - 2)	(7,5-9,5)x2	1,0-2,0	(4,5-7,0)x2	30	
5	Đường Lê Đại Hành	10,5 x 2	2	6 x 2	35	(2 - 2)	(7,5-9,5)x2	1,0-2,0	(4,5-7,0)x2	30	Theo quy hoạch năm 2006 là trục đường vành đai Bắc.Điều chỉnh thành đường khu vực của thị trấn. Đã đặt tên đường.
6	Đường Thanh Niên	14 - 24		(5-8) x 2	30	(3 - 3)	14		7 x 2	30	
7	Đường Nguyễn Thái Học	14 - 24		(5-8) x 2	30		15		8 x 2	30	Phía Nam đường Quang Trung
						(4 - 4)	10,5		2 x 4,75	20	Phía Bắc đường Quang Trung
8	Đường Chu Văn An	14 - 24		(5-8) x 2	30		14		8 x 2	30	
9	Đường Trường Chinh	23		5 x 2	33		16		8 x 2	30	Điều chỉnh theo chỉ giới thực tế
10	Đường Nguyễn Chí Thanh	14 - 24		(5-8) x 2	30		14		8 x 2	30	
11	Đường Phan Bội Châu	14 - 24		(5-8) x 2	30		14		8 x 2	30	
12	Đường Nguyễn Du	14 - 24		(5-8) x 2	30		14		8 x 2	30	Đoạn từ Tôn Đức Thắng về phía Bắc
		10,5		4,75 x 2	20	(4 - 4)	10,5		2 x 4,75	20	Đoạn từ Nguyễn Văn Linh đến Tôn Đức Thắng
13	Đường Phạm Văn Đồng	10,5		7,25+9,75	27,5	(3 - 3)	10,5		7,25 + 9,75	27,5	Phía Nam 12,5m; phía Bắc 15m
14	Đường Cách Mạng	10,5		7,25+9,75	27,5		10,5		7,25 + 9,75	27,5	
15	Đường Hoàng Văn Thụ	10,5		7,25 x 2	25	(3 - 3)	10,5		2 x 7,25	25	
16	Đường Cách Mạng	10,5		7,25 x 2	25		10,5		2 x 7,25	25	
17	Đường Kpă Klông	14 - 24		(5-8) x 2	30		10,5		2 x 7,25	25	Điều chỉnh theo chỉ giới thực tế
18	Đường Lê Hồng Phong	10,5		4,75 x 2	20	(4 - 4)	10,5		4,75 x 2	20	
19	Đường Tăng Bạt Hổ	10,5		4,75 x 2	20	(4 - 4)	10,5		4,75 x 2	20	
20	Đường Trần Phú	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
21	Đường Nguyễn Văn Trỗi	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
22	Đường Lê Lợi	10,5		4,75 x 2	20	(4 - 4)	10,5		4,75 x 2	20	
		7		4,75 x 2	16,5				3,25 x 2	17	Điều chỉnh theo chỉ giới thực tế
23	Đường Lê Duẩn	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
24	Đường Lý Thái Tổ	14 - 24		(5-8) x 2	30		10,5		4,75 x 2	20	Thống nhất chỉ giới toàn tuyến
25	Đường Trần Bình Trọng	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
26	Đường Trần Nhân Tông	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
27	Đường Võ Thị Sáu	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
28	Đường Phan Đình Phùng	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	Cập nhật theo chỉ giới thực tế
		10,5		4,75 + 7,25	22,5		10,5		4,75 + 7,25	22,5	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến công Chợ khu B có CGXD 12,5m (phía chợ)
29	Đường Trần Hưng Đạo	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
30	Đường Nguyễn Bình Khiêm	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
31	Đường Nguyễn Khuyến	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
32	Đường Lê Lai	10,5		7,25 x 2	25		10,5		4,75 x 2	20	Điều chỉnh theo chỉ giới thực tế
33	Đường Siu Biêh	10,5		7,25 x 2	25		10,5		7,25 x 2	20	Điều chỉnh theo chỉ giới thực tế
34	Đường Mạc Đĩnh Chi	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
35	Đường Lê Hồng Phong	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
36	Đường Huỳnh Thúc Kháng	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
37	Đường Nguyễn An Ninh	10,5		4,75 x 2	20		10,5		4,75 x 2	20	
38	Đường Cù Chính Lan	2x10,5	13	5 x 2	44	(5 - 5)	10,5 x 2	13	5,0 x 2	44	Đoạn từ Phạm Văn Đồng đến Nguyễn Chí Thanh
		10,5		4,75 x 2	20	(4 - 4)	10,5		4,75 x 2	20	Đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến Anh Hùng Núp
39	Đường Ngô Mây	7,5		4,75 x 2	16,5		7,5		4,75 x 2	16,5	
40	Đường quy hoạch tổ dân phố 6,7						7,5		4,75 x 2	16,5	Quy hoạch mới
										20	
Đường giao thông ngoài ranh giới thị trấn											
41	Đường tránh Quốc lộ19						25		12,5 x 2	50	
42	Đường Quốc Lộ 19						21		14,5 x 2	50	
43	Đường nội bộ Khu sản xuất kinh doanh tập trung									15-25	

BẢN ĐỒ HƯỚNG TUYẾN

CÔNG TRÌNH

- + ĐƯỜNG TĂNG BẠT HỒ
- + ĐƯỜNG ANH HÙNG NÚP

ĐỊA ĐIỂM : THỊ TRẤN CHỦ TỶ - HUYỆN ĐỨU CỜ - TỈNH GIA LAI



Láng nhựa 3 lớp TCN 4.5kg/m²

Dó dăm tiêu chuẩn dày 15cm từ lán K≥0.98

Dó dăm tiêu chuẩn dày 15cm từ lán K≥0.98

Dát dể chọn lọc từ lán K≥0.98

Dát nền tự nhiên hoặc dất đắp từ lán K≥0.95

Lăng nhưa 3 lớp TCN 4.5Kg/m²
Đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm lu lèn K_≥0.98
Mặt đường cũ tận dụng

1/2 MẶT CẮT CÓ HỔ GA

1/2 MẶT CÁT CỎ MƯƠNG XÂY

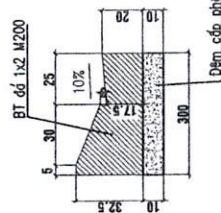
Đường tự nhiên

Hố ga lòm mồi

B cấp 16	B1b mặt đường cũ = 5.5m
----------	-------------------------

Mường xây dựng đơn làm mới

CHI TIẾT A
CHI TIẾT BỎ VÍA. ĐÀN RÀNH



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC CƠ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUỖN

**DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HUYỆN ĐỨC CƠ
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG ANH HÙNG NÚP**

TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN

பி.பி.:

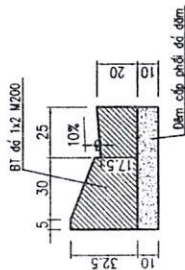
Bản Vẽ Số:

Bê tông nhựa nóng loại chặt C19 dày 7cm
 Tuổi nhựa thêm bơm TCN 1kg/m²
 CPD loại 1 Dmax = 25mm dày 15cm lu lèn K₂₀ 98
 Bù vênh CPD loại 1 Dmax = 25mm
 Đường lóng nhựa hiện hữu tận dụng

1/2 MẮT CẮT CỎ MƯƠNG XÂY

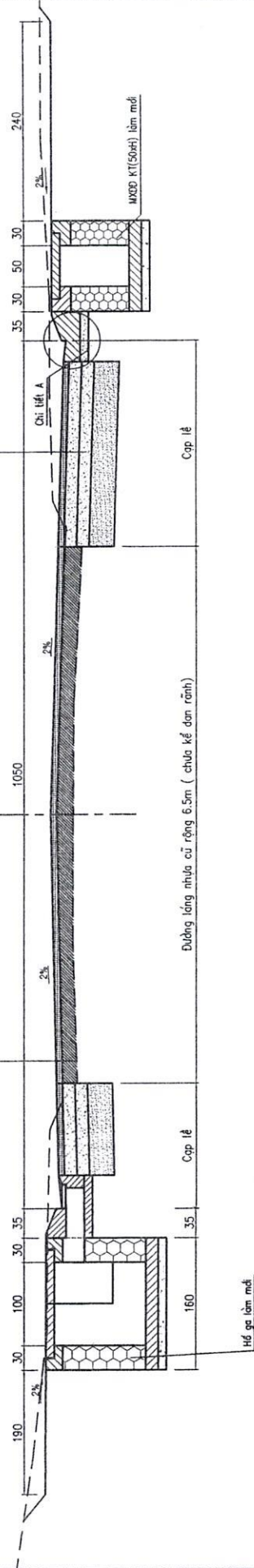


CHI TIẾT BỐ VÌA, ĐAN RÃNH



Bà tổng nhữn nóng loai chệt C19 dầy 7cm
 Tuổi nhữn thêm bầm TCM 1Kg/m²
 CPD loại 1 Dmax = 25mm dầy 15cm lùn K20.98
 CPD loại 1 Dmax = 37.5mm dầy 15cm lùn K20.98
 Đất đắp chạp loai dầy 30cm lùn K20.98
 Đất nền tr nhữn hoặc đất đắp lùn K20.95

1/2 MẶT CẮT CỐ MƯƠNG XÂY

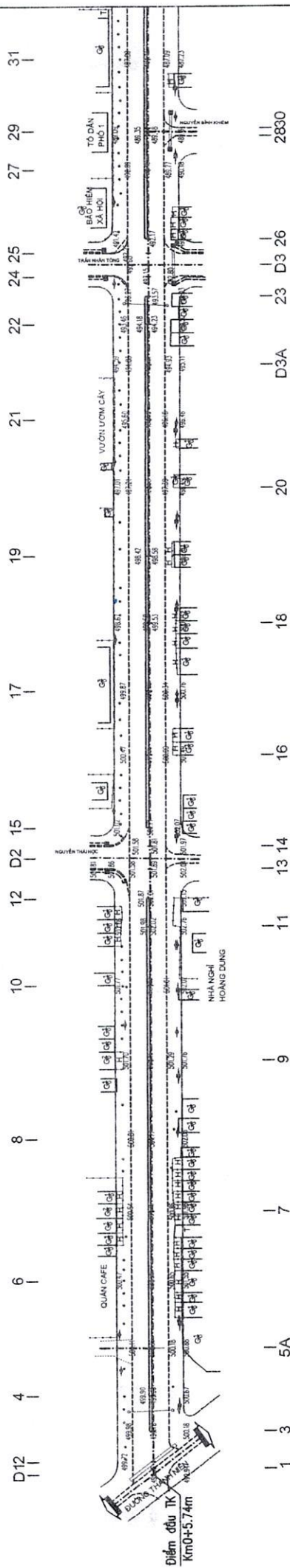


**DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HUYỆN ĐỨC CƠ
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG TẮNG BÀT HỒ**

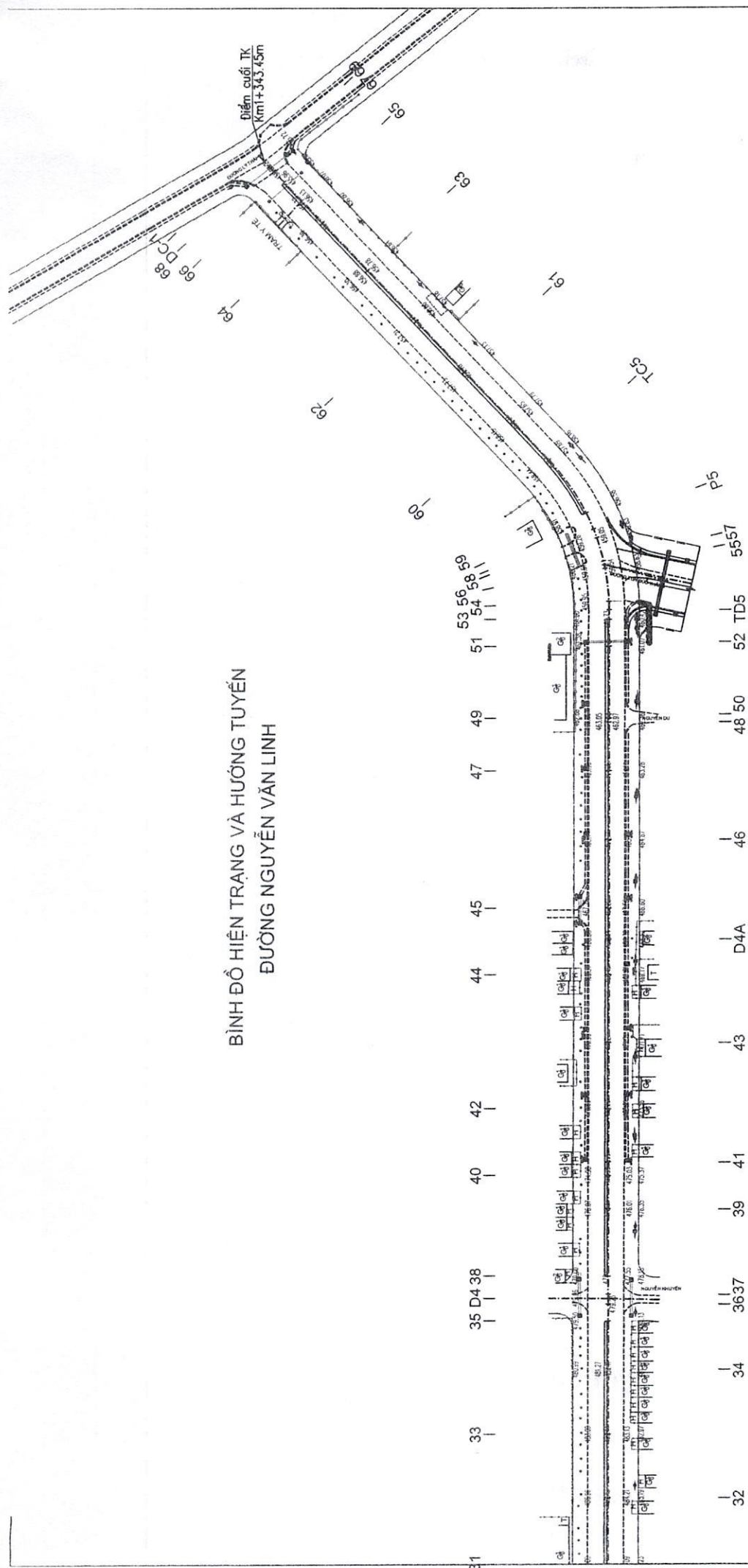
TRẮC NGANG ĐẠI DIỄN

TỈ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
--------	------------

BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG VÀ HƯỚNG TUYẾN ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH



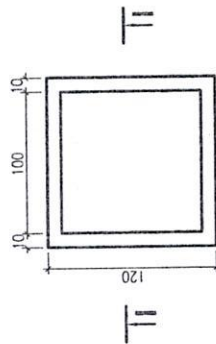
BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG VÀ HƯỚNG TUYẾN ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH



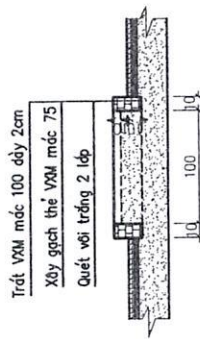
ĐẠI DIỆN ĐOẠN THIẾT KẾ MỚI MƯƠNG XÂY ĐẬY ĐÀN 2 BÊN



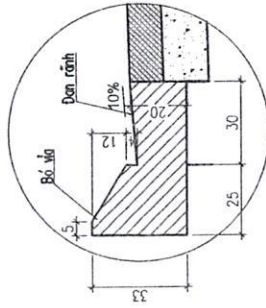
KT(1.2X1.2)M



MẮT CẮT I-I



CHI TIẾT A (TL:1/25)



Ghi chú:
Kích thước bên vẽ là centimet (Cm)
Kích thước thép là milimet (mm)

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC CƠ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN**

**DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HUYỆN ĐỨC CƠ
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH**

TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN

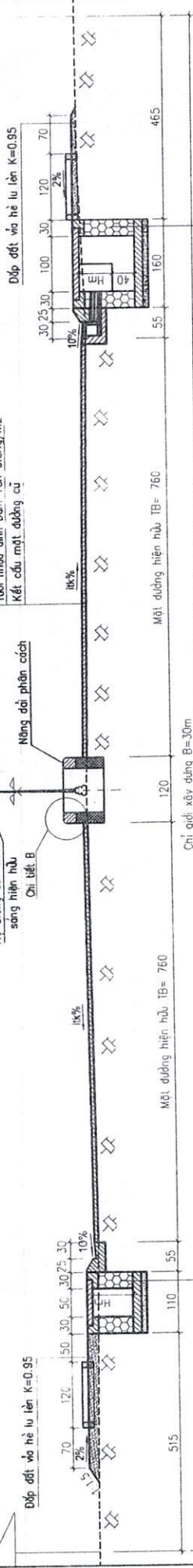
TỈ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
--------	------------

TRẦN NGANG ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN ĐOẠN THIẾT KẾ VÍA HỀ GẠCH BÊN TRÁI TUYẾN

(ĐOẠN: KM0+0.00M -:- KM0+57.78M, KM0+279.23M -:- KM0+764.48M, KM0+942.62M -:- KM1+340.42M)

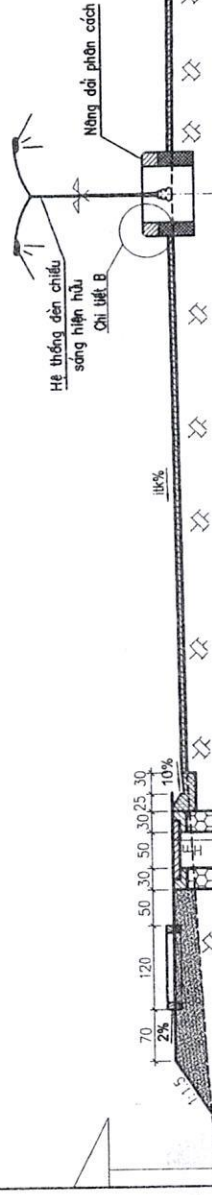
Thêm bề tầng nhựa hạt trung loại chất dày 7cm
Bề tầng bê tông nhựa dày TB 1.9cm (Thi công cùng lớp tầng cường)
Tưới nhựa dính bừa TON 0.5kg/m²
Kết cấu mặt đường cũ



Xây đổ hộc VXM móc 100
Bê tông đổ 2x4 M150 dày 15cm
Đệm móng CPDD dày 10cm

Chỉ giới xây dựng B=30m

ĐẠI DIỆN ĐOẠN THIẾT KẾ TƯỜNG CHẮN



Bê tông đổ 2x4 M200
Đệm móng CPDD 0m x 37.5 dày 10cm
Bê tông đổ 2x4 M150 dày 15cm
Đệm móng CPDD dày 10cm

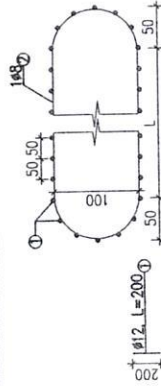
Chỉ giới xây dựng B=30m

CHI TIẾT B

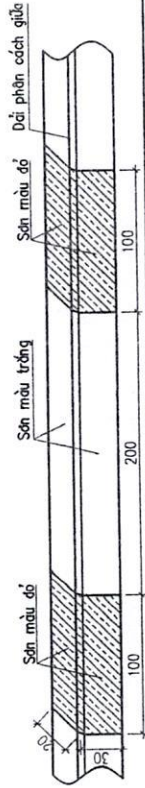
(TL: 1/25)

CHI TIẾT THÉP DẢI PHÂN CÁCH

Phần sườn dải phân cách
Sân hai lớp - vach sơn 8.7
Phần nền dải phân cách
BT đổ 1x2 M200 dày TB 20cm



CHI TIẾT VẠCH SƠN 8.7



Chỉ chú
Bề tầng khóa và hệ đổ về các đoạn và hệ không giáp tường xây
Kích thước bản vẽ là centimet (cm)
Kích thước thực là milimet (mm)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC CƠ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HUYỆN ĐỨC CƠ

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH

TRẦN NGANG ĐẠI DIỆN

TỈ LỆ: BẢN VẼ SỐ:

BẢNG DIỄN GIẢI KHÁI TOÁN TỔNG DỰ TOÁN DỰ ÁN

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HUYỆN ĐỨC CỜ

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH, ĐƯỜNG TẮNG BẠT HỒ, ĐƯỜNG ANH HÙNG NÚP, THỊ TRẤN CHỦ TỶ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN CHỦ TỶ, HUYỆN ĐỨC CỜ

TT	Các khoản mục chi phí	Kí hiệu	Cách tính	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	Gđb	Tam tính	9.000.000.000
2	Chi phí xây dựng chính trước thuế	G	Có bảng kèm theo	58.214.543.244
	Thuế giá trị gia tăng	GTGT	$G \times 10\%$	5.821.454.324
3	Chi phí xây dựng chính sau thuế	G ^{XD}	G + GTGT	64.035.998.000
4	Chi phí ban quản lý dự án	G _{QLDA}	$2,142\% \times G$	1.246.879.000
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv	Gtv1+ ... + Gtv19	3.414.201.000
5.1	Chi phí lập NVKS BCNCKT	Gtv1	$3,000\% \times Gtv2$	4.801.922
5.2	Chi phí khảo sát bước BCNCKT	Gtv2	Có bảng kèm theo	160.064.053
5.3	Chi phí Giám sát khảo sát bước BCNCKT	Gtv3	$4,072\% \times Gtv2$	6.517.808
5.4	Chi phí lập BCNCKT	Gtv4	$0,483\% \times G \times I, I$	309.458.176
5.5	Chi phí thẩm tra BCNCKT	Gtv5	$0,108\% \times G \times I, I$	69.090.185
5.6	Chi phí Giám sát khảo sát bước TKBVTC	Gtv6	$4,072\% \times Gtv7$	8.809.671
5.7	Chi phí khảo sát TKBVTC	Gtv7	Có bảng tam tính kèm theo	216.347.512
5.8	Chi phí lập NVKS bước TKBVTC	Gtv8	$3,000\% \times Gtv7$	6.490.425
5.9	Chi phí TKBVTC	Gtv9	$1,152\% \times G \times I, I$	737.648.589
5.10	Chi phí thẩm tra thiết kế	Gtv10	$0,10824\% \times G \times I, I$	69.309.724
5.11	Chi phí thẩm tra dự toán	Gtv11	$0,10206\% \times G \times I, I$	65.353.230
5.12	Chi phí lập HSMT XL	Gtv12	$0,141\% \times G \times I, I \times 45\%$	40.624.575
5.13	Chi phí đánh giá HSDT XL	Gtv13	$0,141\% \times G \times I, I \times 55\%$	49.652.258

5.14	Chi phí lập HSMT thiết kế	Gtv14	$0,816\% \times (Gtv9 + Gtv7) \times 45\%$	3.503.074
5.15	Chi phí đánh giá HSDX TKBVTC	Gtv15	$0,816\% \times (Gtv9 + Gtv7) \times 55\%$	4.281.534
5.16	Chi phí giám sát kỹ thuật XDCT	Gtv16	$2,251\% \times G1 \times 1,1$	1.441.146.301
5.17	Chi phí lập HSMT Giám sát	Gtv17	$0,816\% \times Gtv16 \times 45\%$	5.291.889
5.18	Chi phí đánh giá HSDT giám sát	Gtv18	$0,816\% \times G \times 55\%$	6.467.865
5.19	Chi phí đánh giá tác động môi trường	Gtv19	Có bảng tạm tính kèm theo	209.342.000
6	Chi phí khác	Gk	Gk1 + ... + Gk14	563.792.000
6.1	Lệ phí thẩm định DAPD	Gk1	$0,0150\% \times TMDT \times 50\% \times 50\%$	2.223.125
6.2	Chi phí thẩm định thiết kế (Do CQNN thực hiện)	Gk2	$0,03780\% \times G \times 50\%$	11.002.549
6.3	Chi phí thẩm định dự toán (Do CQNN thực hiện)	Gk3	$0,0366\% \times G \times 50\%$	10.653.261
6.4	CP KT công tác NT công trình do nhà nước thực hiện	Gk4	Tạm tính	12.338.000
6.5	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu xây lắp	Gk5	$0,050\% \times G$	29.107.272
6.6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp	Gk6	$0,050\% \times G$	29.107.272
4.7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu TKBVTC	Gk7	$0,050\% \times (Gtv7 + Gtv9)$, tối thiểu 1000000	1.000.000
4.8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu TKBVTC	Gk8	$0,05\% \times (Gtv7 + Gtv9)$, tối thiểu 1000000	1.000.000
5.7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu Giám sát	Gk9	$0,05\% \times Gtv16$, tối thiểu lấy bằng 1000000	1.000.000
5.8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu giám sát	Gk10	$0,05\% \times G \times 16$, tối thiểu lấy bằng 1000000	1.000.000
6.7	Chi phí kiểm toán	Gk11	$0,43050\% \times (TMDT - Gdp) \times 1,1$	280.739.488
6.8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk12	$0,2739\% \times (TMDT - Gdp) \times 50\%$	81.176.669
6.9	Thuế tài nguyên & phí bảo vệ môi trường	Gk13	Có bảng tính kèm theo	71.342.604
6.10	Chi phí quyền khai thác khoáng sản	Gk14	Có bảng tạm tính	32.101.300
7	Chi phí dự phòng	Gdp	$(Gdb + Gtb + Gqla + Gtv + Gk) \times 15\%$	11.739.131.000
8	Tổng giá trị dự toán xây dựng công trình	G_TKP	$Gxd + Gdb + Gqla + Gtv + Gk + Gdp$	90.000.000.000

BẢNG TỔNG HỢP KHAI TOÁN KINH PHÍ XÂY LẤP

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HUYỆN ĐỨC CỜ

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH, ĐƯỜNG TĂNG BẠT HỒ, ĐƯỜNG ANH HÙNG NÚP, THỊ TRẤN CHỦ TY

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN CHỦ TY, HUYỆN ĐỨC CỜ

TT	Hạng mục công tác	Chi phí xây lắp chính trước thuế: G	Thuế giá trị gia tăng: GTGT = G x 10%	Chi phí xây dựng sau thuế: Gxd = G+ GTGT
A	Phần giao thông (I+II)	58.214.543.244	5.821.454.324	64.035.997.568
I	Đường Tăng Bạt Hồ	20.280.745.225	2.028.074.523	22.308.819.748
1	Công tác chuẩn bị	17.367.006	1.736.701	19.103.706
2	Nền đường	427.351.163	42.735.116	470.086.279
3	Mặt đường tăng cường	3.042.135.487	304.213.549	3.346.349.036
4	Mặt đường MR làm mới	5.689.918.539	568.991.854	6.258.910.393
5	SC mặt đường ổ gà	10.029.082	1.002.908	11.031.990
6	Mặt đường tăng cường (đường giao)	257.237.581	25.723.758	282.961.339
7	Mặt đường MR làm mới (đường giao)	519.817.826	51.981.783	571.799.609
8	Bố vỉa, đan rãnh, L=3838.57m	1.146.627.590	114.662.759	1.261.290.349
9	Hệ thống thoát nước dọc	7.370.799.094	737.079.909	8.107.879.003
10	Vạch sơn	145.288.741	14.528.874	159.817.615
11	Biển báo tam giác	14.321.939	1.432.194	15.754.133
12	Biển báo chữ nhật	14.336.987	1.433.699	15.770.686
13	Biển tên đường t/d LĐ lại	4.295.083	429.508	4.724.591
14	Cống hộp ngang đường H100x100, L=36m/3 cái	165.439.268	16.543.927	181.983.195
15	Cống hộp dọc đường H100x100, L=313m/15 cái	1.368.456.565	136.845.656	1.505.302.221
16	Đảm bảo an toàn khi thi công	87.323.274	8.732.327	96.055.602
II	Đường Anh Hùng Núp	22.278.877.253	2.227.887.725	24.506.764.979
1	Công tác chuẩn bị	100.107.164	10.010.716	110.117.880
2	Nền đường	1.402.003.937	140.200.394	1.542.204.331
3	Mặt đường tăng cường	1.224.666.935	122.466.693	1.347.133.628

4	Mặt đường MR làm mới	9.071.781.349	907.178.135	9.978.959.484
5	SC mặt đường ổ gà	10.827.562	1.082.756	11.910.318
6	Mặt đường tăng cường (đường giao)	24.475.957	2.447.596	26.923.553
7	Mặt đường MR làm mới (đường giao)	823.045.135	82.304.513	905.349.648
8	Bố vỉa, đan rãnh, L=3400m	955.014.982	95.501.498	1.050.516.480
9	Giải phân cách	777.141.269	77.714.127	854.855.395
10	Hệ thống thoát nước dọc L=3100m	5.699.291.285	569.929.129	6.269.220.414
11	Kè chắn	168.641.843	16.864.184	185.506.027
12	An toàn giao thông	424.828.684	42.482.868	467.311.553
13	Nối cống tròn D150 tại Km1+735.24m	203.247.546	20.324.755	223.572.301
14	LĐ cống tròn D100 t/d lại L=17M/ Cái	38.045.403	3.804.540	41.849.943
15	Cống hộp H100x100, L=88m/4 cái	462.507.818	46.250.782	508.758.600
16	Cống hộp H100x100, L=89m/4 cái	447.624.594	44.762.459	492.387.053
17	Cống hộp H75x75, L=90m/6 cái	366.485.918	36.648.592	403.134.510
18	Đảm bảo an toàn khi thi công	79.139.875	7.913.987	87.053.862
	Tổng cộng: A+B	42.559.622.479	4.255.962.248	46.815.584.727
III	Đường Nguyễn Văn Linh	15.654.920.765	1.565.492.077	17.220.412.842
1,00	Nền đường	48.587.365	4.858.737	53.446.102
2,00	Mặt đường	9.190.580.529	919.058.053	10.109.638.582
3,00	An toàn giao thông	378.746.516	37.874.652	416.621.168
4,00	Đan rãnh, bố vỉa	477.304.114	47.730.411	525.034.525
5,00	Hố trồng cây	107.200.362	10.720.036	117.920.398
6,00	Vỉa hè	1.185.869.188	118.586.919	1.304.456.107
7,00	Nâng dài phân cách giữa	287.931.650	28.793.165	316.724.815
8,00	Tường chắn đất	445.280.956	44.528.096	489.809.052
9,00	Cửa thu nước	246.286.376	24.628.638	270.915.014
10,00	Hố ga	338.794.872	33.879.487	372.674.359
11,00	MXĐĐ KT(50xH)	2.775.000.824	277.500.082	3.052.500.906
12,00	Cống cũ B70x60, nạo vét cống cũ	33.506.915	3.350.692	36.857.607
13,00	Cống hộp 75x75, L=41m	139.831.098	13.983.110	153.814.208

~~I..BQI.DAHAU H CUNG TI--MO CO DAO TU CONG YU IN BANG LONG HOI SUA KET CAU DA DAM VA MUH OVER CUOLXISX~~